

XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN TUYỂN CHỌN BAN ĐẦU NỮ VẬN ĐỘNG VIÊN CẦU LÔNG LỬA TUỔI 9-10, TỈNH THÁI BÌNH

Nguyễn Thị Bình Thơ⁽¹⁾; Phạm Tuấn Dũng⁽²⁾

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 28/03/2026

Ngày phản biện: 20/04/2026

Ngày đăng: 28/05/2026

Tác giả liên hệ:

Nguyễn Thị Bình Thơ

Email: Binhtho.tb@gmail.com

Tập 3, số 3 (2026), trang 88-94

DOI:

<https://doi.org/10.64024/upes14101>

Bản quyền © 2026. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Tóm tắt:

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực TĐTT nhằm xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn ban đầu nữ VĐV Cầu lông lứa tuổi 9-10 tỉnh Thái Bình. Kết quả nghiên cứu đã lựa chọn được 13 tiêu chí thuộc 4 nhóm: hình thái và chức năng cơ thể, chức năng tâm lý, thể lực chung và chỉ tiêu chuyên môn. Các tiêu chí được kiểm nghiệm bảo đảm độ tin cậy và tính thông báo cần thiết. Trên cơ sở đó, nghiên cứu xây dựng được tiêu chuẩn phân loại, bảng điểm theo từng lứa tuổi và tiêu chuẩn tổng hợp tuyển chọn ban đầu. Kết quả nghiên cứu góp phần nâng cao tính khoa học, khách quan và hiệu quả trong công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên Cầu lông trẻ tại địa phương.

Từ khóa: Tiêu chuẩn, tuyển chọn ban đầu, nữ VĐV, Cầu lông, lứa tuổi 9-10.

Development of initial selection standards for female badminton players aged 9–10 in Thai Binh Province

Nguyen Thi Binh Tho⁽¹⁾; Pham Tuan Dung⁽²⁾

Article Information:

Received: 28/03/2026

Review date: 20/04/2026

Published: 28/05/2026

Corresponding Author:

Nguyen Thi Binh Tho

Email: Binhtho.tb@gmail.com

Vol.3, Issue 3 (2026), pp 88-94

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes14101>

Copyright © 2026. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Abstract:

This study used fundamental research methods in the field of physical education and sport to develop initial selection standards for female badminton players aged 9–10 in Thai Binh Province. The findings resulted in the selection of 13 criteria across four groups: morphological and bodily functional characteristics, psychological functions, general physical fitness, and sport-specific indicators. The criteria were tested and confirmed to have the required reliability and informativeness. On this basis, the study developed classification standards, age-specific scoring tables, and integrated standards for initial selection. The results contribute to enhancing the scientific basis, objectivity, and effectiveness of the selection and training of young badminton players at the local level.

Keywords: Standards, initial selection, female athletes, badminton, aged 9–10.

⁽¹⁾ThS Trung tâm HL&TĐ TĐTT tỉnh Hưng Yên

⁽²⁾TS Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

ĐẶT VẤN ĐỀ

Cầu lông là môn thể thao có đặc điểm thi đấu tốc độ cao, đòi hỏi vận động viên (VĐV) phải có sự phát triển hài hòa về hình thái, chức năng cơ thể, tâm lý, thể lực và kỹ thuật chuyên môn. Trong quá trình đào tạo VĐV trẻ, tuyển chọn ban đầu giữ vai trò đặc biệt quan trọng, bởi đây là khâu đầu tiên nhằm phát hiện những cá nhân có tiềm năng, phù hợp với đặc thù vận động của môn thể thao và định hướng huấn luyện lâu dài. Đối với nữ VĐV lứa tuổi 9-10, việc đánh giá đúng năng lực ban đầu càng có ý nghĩa do đây là giai đoạn thuận lợi để hình thành nền tảng vận động, khả năng phối hợp và tiếp thu kỹ thuật.

Thực tế công tác tuyển chọn nữ VĐV Cầu lông tại tỉnh Thái Bình cho thấy việc đánh giá còn chủ yếu dựa vào kinh nghiệm huấn luyện, chưa có hệ thống tiêu chuẩn cụ thể theo từng lứa tuổi. Điều này có thể ảnh hưởng đến tính khách quan và hiệu quả phát hiện tài năng. Xuất phát từ yêu cầu đó, việc xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn ban đầu cho nữ VĐV Cầu lông lứa tuổi 9-10 tỉnh Thái Bình là cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng tuyển chọn và đào tạo VĐV trẻ.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp quan sát sự phạm; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp kiểm tra sự phạm; Phương pháp kiểm tra tâm lý; Phương pháp kiểm tra y học và phương pháp toán học thống kê.

Nghiên cứu được tiến hành trên 20 nữ VĐV Cầu lông lứa tuổi 9-10 tỉnh Thái Bình, trong đó có 12 VĐV 9 tuổi và 8 VĐV 10 tuổi. Các VĐV có thời gian tập luyện từ 1-2 năm.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Xác định chỉ tiêu tuyển chọn ban đầu nữ vận động viên Cầu lông lứa tuổi 9-10 tuổi, tỉnh Thái Bình

Thông qua phân tích và tổng hợp các tài liệu có liên quan, quan sát sự phạm, phỏng vấn các chuyên gia và phỏng vấn trên diện rộng bằng phiếu hỏi, quá trình nghiên cứu đã xác định được 13 tiêu chí thuộc 4 nhóm áp dụng trong tuyển chọn ban đầu nữ VĐV Cầu lông lứa tuổi 9-10, tỉnh Thái Bình. Cụ thể gồm:

Nhóm chỉ tiêu đánh giá hình thái và chức

năng cơ thể: Chỉ số Quetelet (g/cm); Công năng tim (HW).

Nhóm chỉ tiêu đánh giá chức năng tâm lý: Khả năng xử lý thông tin (bit/s), Tepping test (lần/s), test Raven (điểm).

Nhóm chỉ tiêu đánh giá thể lực chung: Chạy 30m XPC (s), Bật xa tại chỗ (cm), Chạy 300m (s).

Nhóm chỉ tiêu chuyên môn: Di chuyển nhật đồ cầu 6 vị trí trên sân (s), Di chuyển 3 bước bật nhảy đập cầu 15s (lần), Di chuyển ngang 20 lần (s), Di chuyển lên xuống 10 lần (s), Ném quả cầu lông xa (m).

Các test được lựa chọn qua phỏng vấn đã được tiến hành xác định độ tin cậy bằng phương pháp test lặp lại và xác định tính thông báo bằng cách tính tương quan giữa kết quả lặp test và thành tích thi đấu của VĐV. Kết quả cho thấy, các test được lựa chọn bảo đảm độ tin cậy ($r > 0.80$) và tính thông báo ($r > 0.60$) trên đối tượng nữ VĐV Cầu lông lứa tuổi 9-10 tỉnh Thái Bình và được lựa chọn để tham gia các nghiên cứu tiếp theo.

Kết quả lựa chọn 13 tiêu chí thuộc 4 nhóm cho thấy quá trình tuyển chọn ban đầu nữ VĐV Cầu lông lứa tuổi 9-10 tỉnh Thái Bình đã được tiếp cận theo hướng toàn diện, kết hợp giữa đặc điểm hình thái – chức năng, tâm lý, thể lực chung và năng lực chuyên môn. Nhóm chỉ tiêu hình thái và chức năng cơ thể giúp đánh giá nền tảng phát triển thể chất và khả năng thích nghi sinh lý với vận động. Nhóm chỉ tiêu tâm lý phản ánh khả năng xử lý thông tin, tốc độ phản ứng thần kinh và tư duy, phù hợp với đặc thù Cầu lông là môn thể thao đòi hỏi xử lý tình huống nhanh. Nhóm thể lực chung đánh giá nền tảng vận động cơ bản, trong khi nhóm chuyên môn phản ánh trực tiếp khả năng di chuyển, bật nhảy, phối hợp và thực hiện động tác đặc thù trên sân. Đặc biệt, các test được kiểm chứng có độ tin cậy và tính thông báo đạt yêu cầu, chứng tỏ hệ thống tiêu chí có cơ sở khoa học, phù hợp với đối tượng nghiên cứu và có thể sử dụng trong các bước tuyển chọn, đánh giá tiếp theo.

2. Xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn ban đầu nữ vận động viên Cầu lông lứa tuổi 9-10 tuổi, tỉnh Thái Bình

Trước khi tiến hành xây dựng tiêu chuẩn

tuyển chọn ban đầu nữ VĐV Cầu lông lứa tuổi 9-10 tuổi, tỉnh Thái Bình, quá trình nghiên cứu tiến hành kiểm tra và so sánh trình độ của VĐV lứa tuổi 9-10 bằng các test đã lựa chọn ở phần 1. Kết quả cho thấy, kết quả kiểm tra của VĐV 9 tuổi và 10 tuổi có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng $P < 0.05$, vì vậy khi xây dựng

tiêu chuẩn tuyển chọn VĐV, cần tiên hành xây dựng tiêu chuẩn riêng cho từng lứa tuổi.

2.1. Xây dựng tiêu chuẩn phân loại trong tuyển chọn ban đầu nữ vận động viên Cầu lông lứa tuổi 9-10 tuổi, tỉnh Thái Bình

Tiến hành xây dựng tiêu chuẩn phân loại tuyển chọn ban đầu trên cơ sở quy tắc 2 σ . Kết quả được trình bày tại bảng 1 và bảng 2.

Bảng 1. Tiêu chuẩn phân loại các chỉ tiêu tuyển chọn nữ VĐV Cầu lông lứa tuổi 9, tỉnh Thái Bình

TT	Chỉ tiêu	Tiêu chuẩn phân loại				
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Chỉ số Quetelet (g/cm)	<195.26	195.27-205.38	205.39-225.62	225.63-235.74	>235.74
2	Công năng tim (HW)	>12.70	12.69-11.63	11.62-9.49	9.48-8.42	<8.42
3	Chạy 30m XPC (s)	>6.97	6.96- 6.84	6.83-6.58	6.57-6.45	<6.45
4	Bật xa tại chỗ (cm)	<125.12	125.13-129.13	129.14-137.15	138.15-141.16	>141.16
5	Chạy 300m (s)	>83.78	83.77-81.77	81.76-77.75	77.74-75.74	<75.74
6	Khả năng xử lý thông tin (bit/s)	<0.52	0.53-0.93	0.94-1.65	1.66-2.01	>2.01
7	Tepping test (bit/s)	<31.58	31.56-35.95	35.96-44.69	44.70-49.06	>49.06
8	Test Raven (điểm)	<18.99	19.00-22.31	22.33-28.95	28.96-32.27	>32.27
9	Di chuyển nhật đối cầu 6 vị trí trên sân (s)	> 18.48	18.47-17.83	17.82-16.53	16.52-15.88	<15.88
10	Di chuyển 3 bước bật nhảy đập cầu 15s (lần)	> 20.67	20.66-20.32	20.31-19.62	19.61-19.27	<19. 27
11	Di chuyển ngang 20 lần (s)	> 59.11	59.10-58.63	58.62-57.67	57.66-57.19	<57.19
12	Di chuyển lên xuống 10 lần (s)	> 60.11	60.10-59.77	59.76-59.09	59.08-58.75	<58.75
13	Ném quả cầu lông xa (m)	<2.27	2.28-2.72	2.73-3.62	3.63-4.07	>4.07

Bảng 2. Tiêu chuẩn phân loại các chỉ tiêu tuyển chọn nữ VĐV Cầu lông lứa tuổi 10, tỉnh Thái Bình

TT	Chỉ tiêu	Tiêu chuẩn phân loại				
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Chỉ số Quetelet (g/cm)	< 202.00	202.01-212.7	212.71-234.1	234.11-244.8	> 244.8
2	Công năng tim (HW)	> 17.68	17.67-15.53	15.52-11.23	11.22-9.08	< 9.08
3	Chạy 30m XPC (s)	> 6.39	6.38-6.22	6.21-5.90	5.89-5.71	< 5.71
4	Bật xa tại chỗ (cm)	< 128.86	128.87-132.89	132.90-140.95	140.96-144.98	> 144.98
5	Chạy 300m (s)	> 83.44	83.43-80.85	80.84-74.67	74.66-71.58	< 71.58
6	Khả năng xử lý thông tin (bit/s)	< 0.96	0.97-1.18	1.19-1.62	1.63-1.84	> 1.84
7	Tepping test (bit/s)	< 36.32	36.33-39.47	39.48-45.77	45.78-48.92	> 48.92
8	Test Raven (điểm)	< 22.65	22.66-25.80	25.81-32.10	32.11-35.25	> 35.25
9	Di chuyển nhật đôi cầu 6 vị trí trên sân (s)	> 17.62	17.61-17.27	17.26-16.57	16.56-16.22	< 16.22
10	Di chuyển 3 bước bật nhảy đập cầu 15s (lần)	> 19.58	19.57-19.08	19.07-18.08	18.07-17.58	< 17.58
11	Di chuyển ngang 20 lần (s)	> 58.61	58.60-58.05	58.04-56.93	56.92-56.37	< 56.37
12	Di chuyển lên xuống 10 lần (s)	> 59.60	59.59-59.14	59.13-58.22	58.21-57.76	< 57.76
13	Ném quả cầu lông xa (m)	<2.75	2.76-3.21	3.22-4.13	4.14-4.59	> 4.59

Để xử dụng các bảng tiêu chuẩn phân loại được trình bày tại bảng 1 và bảng 2 cần tiến hành:

- Lập test theo đúng quy định
- Tiến hành đối chiếu kết quả kiểm tra các test với tiêu chuẩn được xây dựng theo từng lứa tuổi và xác định mức thành tích đạt được

2.2. Xây dựng thang điểm tuyển chọn ban đầu nữ vận động viên Cầu lông lứa tuổi 9-10 tuổi, tỉnh Thái Bình

Việc tiến hành xây dựng thang điểm tuyển chọn ban đầu cho VĐV sử dụng thang độ C. Kết quả được trình bày tại bảng 3 và bảng 4.

Các bảng điểm đã xây dựng rất thuận tiện

Bảng 3 Bảng tiêu chuẩn điểm theo từng chỉ tiêu tuyển chọn nữ VĐV Cầu lông lứa tuổi 9, tỉnh Thái Bình

TT	Chỉ tiêu	Tiêu chuẩn điểm									
		10	9	8	7	6	5	4	3	2	1
1	Chỉ số Quetelet (g/cm)	240.8	235.74	230.68	225.62	220.56	215.5	210.44	205.38	200.32	195.26
2	Công năng tim (HW)	7.89	8.42	8.96	9.49	10.03	10.56	11.1	11.63	12.17	12.7
3	Chạy 30m XPC (s)	6.39	6.45	6.51	6.58	6.63	6.69	6.76	6.84	6.9	6.97
4	Bật xa tại chỗ (cm)	143.16	141.16	139.15	137.15	135.15	133.15	131.15	129.15	133.15	125.15
5	Chạy 300m (s)	74.69	75.74	76.79	77.75	78.8	79.85	80.9	81.77	82.82	83.78
6	Khả năng xử lý thông tin (bit/s)	2.19	2.01	1.83	1.65	1.47	1.29	1.11	0.93	0.75	0.52
7	Tepping test (bit/s)	51.25	49.06	46.87	44.69	42.51	40.32	38.14	35.35	33.16	31.58
8	Test Raven (điểm)	33.93	32.27	30.61	28.95	27.29	25.63	23.97	22.31	20.65	18.99
9	Di chuyển nhật đối cầu 6 vị trí trên sân (s)	15.23	15.88	16.53	17.18	17.83	18.48	19.13	19.78	20.43	21.08
10	Di chuyển 3 bước bật nhảy đập cầu 15s (lần)	18.62	19.07	19.52	19.97	20.42	20.87	21.32	21.77	22.22	22.67
11	Di chuyển ngang 20 lần (s)	56.71	57.19	57.67	58.15	58.63	59.11	59.59	60.07	60.55	61.03
12	Di chuyển lên xuống 10 lần (s)	58.41	58.75	59.09	59.43	59.77	60.11	60.45	60.79	61.13	61.47
13	Ném quả cầu lông xa (m)	5.87	5.42	4.97	4.52	4.07	3.62	3.17	2.72	2.27	1.82

cho đánh giá điểm của từng chỉ tiêu. Để sử dụng các bảng điểm cần tiến hành:

- Lập test theo đúng quy định
- Tiến hành đối chiếu kết quả kiểm tra các test các bảng điểm được xây dựng theo từng lứa tuổi và xác định mức điểm đạt được của từng chỉ tiêu theo nguyên tắc tiệm cận.

2.3. Xây dựng tiêu chuẩn tổng hợp tuyển chọn ban đầu nữ vận động viên Cầu lông lứa tuổi 9-10 tuổi, tỉnh Thái Bình

Bảng 1 và bảng 2 đã tiến hành phân loại tuyển chọn ban đầu cho VĐV theo từng chỉ tiêu;

bảng 3 và bảng 4 tiến hành phân loại điểm cho từng chỉ tiêu. Các bảng này rất thuận tiện sử dụng trong đánh giá riêng lẻ trình độ của VĐV nhưng để đánh giá tổng hợp thì còn hạn chế cho khác biệt về đơn vị các tiêu chí kiểm tra. Để đánh giá tổng hợp các chỉ tiêu tuyển chọn ban đầu, quá trình nghiên cứu tiến hành xây dựng tiêu chuẩn tổng hợp đánh giá VĐV trên cơ sở mỗi chỉ tiêu tối đa 10 điểm, tổng 13 chỉ tiêu là 130 điểm. Phân loại được tiến hành theo 5 mức: Tốt, khá, trung bình, yếu và kém. Kết quả được trình bày tại bảng 5.

Bảng 4. Bảng tiêu chuẩn điểm theo từng chỉ tiêu tuyển chọn nữ VĐV Cầu lông lứa tuổi 10, tỉnh Thái Bình

TT	Chỉ tiêu	Điểm									
		10	9	8	7	6	5	4	3	2	1
1	Chỉ số Quetelet (g/cm)	250.15	244.8	234.45	234.1	228.75	223.4	218.05	212.7	207.35	202
2	Công năng tim (HW)	8.01	9.08	10.16	11.23	12.31	13.38	14.46	15.53	16.61	17.68
3	Chạy 30m XPC (s)	5.26	5.71	5.79	5.9	5.98	6.06	6.14	6.22	6.3	6.39
4	Bật xa tại chỗ (cm)	148.01	144.98	142.96	140.95	138.93	136.92	134.9	132.89	130.87	128.85
5	Chạy 300m (s)	70.02	71.58	73.12	74.67	76.22	77.77	79.32	80.87	82.42	83.44
6	Khả năng xử lý thông tin (bit/s)	1.95	1.84	1.73	1.62	1.51	1.4	1.29	1.18	1.07	0.96
7	Tepping test (bit/s)	50.5	48.92	47.35	45.77	44.2	42.62	41.05	39.47	37.9	36.32
8	Test Raven (điểm)	37.31	35.25	33.18	31.1	29.03	6.978	24.9	22.84	20.77	18.71
9	Di chuyển nhật đổi cầu 6 vị trí trên sân (s)	15.87	16.22	16.57	16.92	17.27	17.62	17.97	18.32	18.67	19.02
10	Di chuyển 3 bước bật nhảy đập cầu 15s (lần)	17.08	17.58	18.08	18.58	19.08	19.58	20.08	20.58	21.08	21.58
11	Di chuyển ngang 20 lần (s)	55.81	56.37	56.93	57.49	58.05	58.61	59.17	59.73	60.29	60.85
12	Di chuyển lên xuống 10 lần (s)	57.3	57.76	58.22	58.68	59.14	59.6	60.06	60.52	60.98	61.44
13	Ném quả cầu lông xa (m)	6.43	5.97	5.51	5.05	4.59	4.13	3.67	3.21	2.75	2.29

Quá trình đánh giá tổng hợp sử dụng nguyên tắc có bù, tức là để đạt được tổng điểm cuối cùng, không nhất thiết phải đạt được số điểm như ở từng chỉ tiêu của từng chỉ tiêu, nghĩa là có thể lấy điểm đạt của chỉ tiêu này bù cho chỉ tiêu khác, miễn là tổng điểm đạt được phải nằm trong khoảng xác định của các chỉ tiêu. Để sử dụng bảng 5 cần:

- Lập test theo đúng quy định
- Tiến hành đối chiếu kết quả kiểm tra các test các bảng điểm được xây dựng theo từng lứa tuổi và xác định mức điểm đạt được của từng chỉ tiêu theo nguyên tắc tiệm cận.
- Cộng tổng điểm đạt được của tất cả các chỉ tiêu và đối chiếu với bảng tiêu chuẩn đã xây dựng.



Vấn đề tuyển chọn vận động viên Cầu lông giai đoạn tuyển chọn ban đầu đã bước đầu được quan tâm ở nhiều tỉnh thành trên cả nước

Bảng 4. Bảng điểm tổng hợp các chỉ tiêu tuyển chọn nữ VĐV Cầu lông lứa tuổi 9 - 10, tỉnh Thái Bình

Xếp loại	Kết quả tổng điểm
Tốt	≥105
Khá	91-104
Trung bình	65-90
Yếu	39-64
Kém	≤38

KẾT LUẬN

Quá trình nghiên cứu lựa chọn được 13 tiêu chí thuộc 4 nhóm ứng dụng trong tuyển chọn ban đầu nữ VĐV 9-10 tuổi, tỉnh Thái Bình gồm: Nhóm đánh giá hình thái và chức năng cơ thể (2 tiêu chí); Nhóm đánh giá chức năng tâm lý (3 tiêu chí); Nhóm đánh giá thể lực chung (3 tiêu chí) và Nhóm đánh giá chuyên môn (5 tiêu chí). Trên cơ sở các tiêu chí đã lựa chọn, tiến hành xây dựng 2 bảng tiêu chuẩn phân loại, 2 bảng điểm và 01 bảng tiêu chuẩn tổng hợp tuyển chọn ban đầu đối tượng nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aulic, I. V. (1982). *Đánh giá trình độ tập luyện thể thao*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Thể dục Thể thao.
2. Lê Bửu, & Nguyễn Thế Truyền. (1986). *Kiểm tra năng lực thể chất và thể thao. Thành phố Hồ Chí Minh*, Việt Nam: Nhà xuất bản Thể dục Thể thao.
3. Nguyễn Văn Đức. (2015). *Giáo trình cầu lông*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Thể dục Thể thao.
4. Đàm Tuấn Khôi. (2012). *Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ tập luyện của vận động viên nam cầu lông cấp cao* (Luận án tiến sĩ). Viện Khoa học Thể dục Thể thao, Hà Nội, Việt Nam.
5. Ngô Hữu Thắng. (2022). *Nghiên cứu xây dựng mô hình nam vận động viên cấp cao môn cầu lông qua các giá trị sinh học, sự phạm và tâm lý* (Luận án tiến sĩ giáo dục học). Viện Khoa học Thể dục Thể thao, Hà Nội, Việt Nam.